

Họ và tên: Số BD.....

Câu 1: Hợp chất nào sau đây là hidrocarbon?

- A. Phenol B. Amoniac C. Benzen D. Glyxerol

Câu 2: Hỗn hợp X gồm Mg, Cu có cùng số mol, lấy 17,6 gam X tác dụng vừa đủ với V lít dung dịch H_2SO_4 0,4M và $NaNO_3$ 0,6M thì thu được dung dịch Y và 3,32 gam hỗn hợp khí A gồm N_2 , N_2O , NO, NO_2 (ngoài ra không còn sản phẩm khử nào khác). Nếu cô cạn Y thì thu được m gam muối, giá trị m gần nhất với

- A. 99 B. 71 C. 127 D. 116

Câu 3: Cho 1 mol andehit oxalic (**OHC-CHO**) tác dụng với lượng dư $AgNO_3/NH_3$ dư thu được tối đa bao nhiêu mol Ag?

- A. 4. B. 3. C. 1. D. 2.

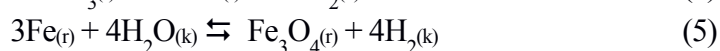
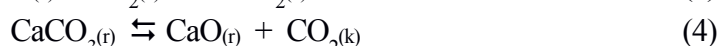
Câu 4: M là kim loại có nhiệt độ nóng chảy rất cao, thường được dùng để chế tạo sợi dây tóc của bóng đèn sợi đốt. M là?

- A. Cu B. Cr C. W D. Pb

Câu 5: Hỗn hợp khí nào sau đây **không** tồn tại ở nhiệt độ thường?

- A. **H_2 và F_2 .** B. H_2S và N_2 . C. Cl_2 và O_2 . D. CO và O_2 .

Câu 6: $H_{2(k)} + I_{2(k)} \rightleftharpoons 2HI_{(k)}$ (1)



Các cân bằng chuyển dịch theo chiều thuận khi tăng áp suất là:

- A. 1, 4 B. 2, 3, 5 C. **2, 3** D. 1, 5

Câu 7: Lấy 15,04 gam hỗn hợp X gồm $FeCO_3$, Fe_3O_4 và Al tác dụng với 1254 ml dung dịch HNO_3 1M (lấy dư 10%) thì thu được dung dịch Y và 3,136 lít hỗn hợp Z (đktc) gồm 2 khí không màu (trong đó có một khí hóa nâu ngoài không khí), biết tỉ khối hơi của Z so với H_2 là 17. Nếu làm bay hơi dung dịch Y thu được hỗn hợp muối khan T. Thành phần % khối lượng muối $Al(NO_3)_3$ trong T gần nhất với

- A. 71% B. **62%** C. 68% D. 46%

Câu 8: Hai chất X và Y là đồng phân của nhau, X, Y chỉ chứa C, H, O trong đó hidro chiếm 2,439% về khối lượng. Khi đốt cháy X thu được số mol nước bằng số mol X đem đốt cháy. Biết rằng: 1,0 mol X phản ứng vừa hết với 3 mol $AgNO_3$ trong dung dịch NH_3 ; còn 1,0 mol Y phản ứng vừa hết 4,0 mol $AgNO_3$ trong dung dịch NH_3 . Khối lượng kết tủa thu được khi cho hỗn hợp chứa 0,15 mol X và 0,10 mol Y tác dụng với lượng dư $AgNO_3/NH_3$ đun nóng.

- A. 108,6 g B. 86,4 g C. 75,6 g D. **108,9 g**

Câu 9: Dung dịch chất nào trong các chất dưới đây **không** làm đổi màu quỳ tím?

- A. CH_3NH_2 . B. CH_3COONa .
C. **H_2NCH_2COOH .** D. $HOOCCH_2CH_2CH(NH_2)COOH$.

Câu 10: X, Y là 2 axit no, đơn chức, mạch hở, kế tiếp nhau trong dãy đồng đẳng. Cho hỗn hợp gồm 4,60 gam A và 6,0 gam B tác dụng hết với kim loại Na thu được 2,24 lít H_2 (đktc). Công thức phân tử của X, Y lần lượt là:

- A. C_3H_7COOH và C_4H_9COOH . B. **$HCOOH$ và CH_3COOH .**
C. CH_3COOH và C_2H_5COOH . D. C_2H_5COOH và C_3H_7COOH .

Câu 11: Trong điện phân và trong ăn mòn điện hoá thì trên điện cực âm lần lượt xảy ra quá trình:

- A. Điều là quá trình khử B. **Khử và oxi hoá**
C. oxi hoá và khử D. Điều là quá trình oxi hoá

Câu 12: Cho nguyên tử của nguyên tố X có cấu hình electron ở trạng thái cơ bản là $[Ar]3d^{10}4s^2$. Phát biểu nào sau đây **không** đúng khi nói về X?

- A. X là kim loại tan được cả trong dung dịch HCl và dung dịch NaOH
B. **Ion X^{2+} có 10 electron ở lớp ngoài cùng**

C. X là kim loại nhóm B

D. X là nguyên tố thuộc chu kỳ 4

Câu 13: Trước đây người ta thường bảo quản một số nông sản như hành, tỏi, ngô giống, ... bằng cách treo hoặc gác trên bếp vì khói bếp có một số chất có khả năng diệt khuẩn. Chất chủ yếu diệt khuẩn trong khói bếp là:

A. **HCHO.**

B. CH_3COOH .

C. CH_4 .

D. $\text{C}_2\text{H}_5\text{OH}$.

Câu 14: Hỗn hợp X chứa 3 kim loại Fe, Ag và Cu ở dạng bột. Cho hỗn hợp X vào lượng dư dung dịch Y chỉ chứa một chất tan và khuấy kỹ cho đến khi kết thúc phản ứng thì thấy Fe và Cu tan hết và còn lại lượng Ag đúng bằng lượng Ag trong X. Dung dịch Y chứa chất nào sau đây?

A. $\text{Cu}(\text{NO}_3)_2$

B. AgNO_3

C. **$\text{Fe}_2(\text{SO}_4)_3$**

D. FeSO_4

Câu 15: Sobitol là một chất kích thích tiêu hóa, dùng tốt cho trẻ biếng ăn, trẻ bị rối loạn tiêu hóa do uống kháng sinh. Sobitol được điều chế bằng cách hidro hóa glucosơ. Tính khối lượng glucosơ để điều chế được 100kg sobitol thành phẩm (hiệu suất phản ứng là 85%, trong quá trình điều chế thì có 3% sobitol bị thất thoát)

A. 116,4kg

B. **120kg**

C. 111,4kg

D. 112,9kg

Câu 16: Đồng trùng hợp butadien và stiren thu được cao su Buna-S có công thức cấu tạo là

A. $(-\text{CH}_2-\text{CH}_2-\text{CH}_2-\text{CH}_2-\text{CH}(\text{C}_6\text{H}_5)-\text{CH}_2-)_n$.

B. $(-\text{CH}_2-\text{CH}=\text{CH}-\text{CH}_2-\text{CH}(\text{C}_6\text{H}_5)-\text{CH}_2-)_n$.

C. **$(-\text{CH}_2-\text{CH}=\text{CH}-\text{CH}_2-\text{CH}(\text{C}_6\text{H}_5)-\text{CH}_2-)_n$.**

D. $(-\text{C}_2\text{H}-\text{CH}-\text{CH}-\text{CH}_2-\text{CH}(\text{C}_6\text{H}_5)-\text{CH}_2-)_n$.

Câu 17: Cho các phản ứng:

$\text{Fe} + \text{HCl} \rightarrow$

$\text{KMnO}_4 + \text{HCl} \rightarrow$

$\text{Al} + \text{H}_2\text{SO}_4 (\text{loãng}) \rightarrow$

$\text{Fe} + \text{H}_2\text{SO}_4 (\text{đặc}) \xrightarrow{t^0}$

$\text{Cu} + \text{H}_2\text{SO}_4 (\text{loãng}) \rightarrow$

$\text{Zn} + \text{HNO}_3 (\text{loãng}) \rightarrow$

Số phản ứng mà H^+ đóng vai trò là chất oxi hoá là:

A. 1

B. **2**

C. 3

D. 4

Câu 18: Trong bài thực hành số 1 (chương trình hóa học 12) thì có thí nghiệm điều chế etylaxetat. Cho lần lượt $\text{C}_2\text{H}_5\text{OH}$, CH_3COOH , H_2SO_4 đặc vào ống nghiệm; lắc đều rồi đun nóng khoảng $65-70^\circ\text{C}$ khoảng 6 phút (không được đun sôi). Sản phẩm etylaxetat sinh ra vẫn còn phân tán trong hỗn hợp phản ứng. Để dễ quan sát kết quả thí nghiệm, thì ta cho tiếp dung dịch chất X vào hỗn hợp phản ứng. Khi đó este sinh ra sẽ tách ra, phân lớp và nổi lên trên bề mặt. Dung dịch chất X ở trên là:

A. NaOH loãng.

B. **NaCl bão hòa.**

C. CH_3COOH khan.

D. H_2SO_4 đặc.

Câu 19: Hóa chất nào sau đây được gọi là “đạm hai lá”

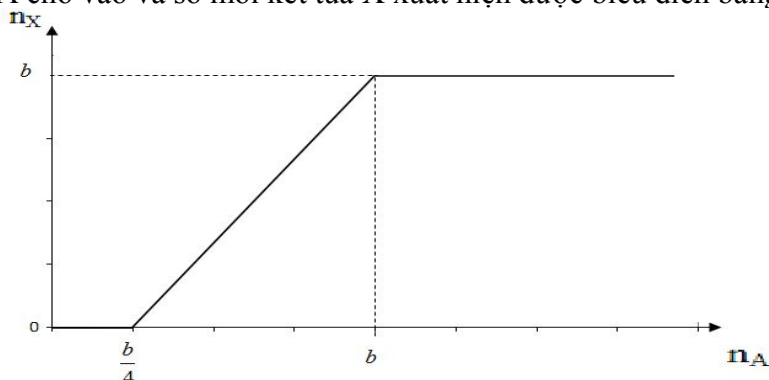
A. KCl

B. **NH_4NO_3**

C. $\text{Ca}(\text{H}_2\text{PO}_4)_2$

D. KNO_3

Câu 20: Cho từ từ đến dư dung dịch chứa chất A vào dung dịch chứa b mol chất B thì xuất hiện kết tủa X. Mối quan hệ giữa số mol A cho vào và số mol kết tủa X xuất hiện được biểu diễn bằng đồ thị sau:



2 chất A, B lần lượt là?

A. HCl và NaAlO_2

B. AlCl_3 và NaOH

C. **NaAlO_2 và HCl**

D. NaOH và AlCl_3

Câu 21: Hỗn hợp X gồm C_2H_2 , C_2H_6 và C_3H_6 . Đốt cháy hoàn toàn 24,8g hỗn hợp X thu được 28,8g nước. Mặt khác 0,5 mol hỗn hợp này tác dụng vừa đủ với 500g dung dịch Brom 20%. Giá trị % về thể tích của C_2H_2 , C_2H_6 và C_3H_6 lần lượt trong hỗn hợp là.

A. **50%; 25%; 25%.**

B. 20%; 30%; 50%.

C. 25%; 25%; 50%.

D. 40%; 40%; 20%.

Câu 22: Các ancol $(\text{CH}_3)_2\text{CHOH}$; $\text{CH}_3\text{CH}_2\text{OH}$; $(\text{CH}_3)_3\text{COH}$ có bậc ancol lần lượt là

A. 1, 3, 2.

B. 1, 2, 3.

C. 2, 3, 1.

D. **2, 1, 3.**

Câu 23: Cho các chất sau: CH_3COOH , $\text{C}_2\text{H}_5\text{COOH}$, $\text{CH}_3\text{COOCH}_3$, $\text{CH}_3\text{CH}_2\text{CH}_2\text{OH}$.

Chiều tăng dần nhiệt độ sôi (từ trái qua phải) của các chất trên là:

A. $\text{CH}_3\text{CH}_2\text{CH}_2\text{OH}$, CH_3COOH , $\text{CH}_3\text{COOCH}_3$, $\text{C}_2\text{H}_5\text{COOH}$.

B. **CH_3COOH , $\text{CH}_3\text{COOCH}_3$, $\text{CH}_3\text{CH}_2\text{CH}_2\text{OH}$, $\text{C}_2\text{H}_5\text{COOH}$.**

C. $\text{CH}_3\text{COOCH}_3$, $\text{CH}_3\text{CH}_2\text{CH}_2\text{OH}$, CH_3COOH , $\text{C}_2\text{H}_5\text{COOH}$.

D. $\text{CH}_3\text{CH}_2\text{CH}_2\text{OH}$, CH_3COOH , $\text{CH}_3\text{COOCH}_3$, $\text{C}_2\text{H}_5\text{COOH}$.

Câu 24: Cho các chất sau: propen; isobutilen; propin, buta-1,3-đien; stiren và etilen. Hãy cho biết có bao nhiêu chất khi tác dụng với HBr theo tỷ lệ 1: 1 cho 2 sản phẩm?

A. 6

B. 3

C. 5

D. 4

Câu 25: Thủy phân hoàn toàn 148,89 gam hỗn hợp A gồm hai tetrapeptit thu được 175,89 gam hỗn hợp X gồm các amino axit (Các amino axit chứa 1 nhóm COOH và 1 nhóm NH_2). Cho toàn bộ X tác dụng với dung dịch HCl dư, sau đó cô cạn dung dịch thì nhận được m (gam) muối khan. giá trị của m là:

A. 248,89 g.

B. 246,89 g

C. 324,78 g.

D. 243,89 g.

Câu 26: Nhóm các kim loại nào sau đây đều dễ dàng tác dụng được với nước tạo dung dịch kiềm

A. Be, Mg, Ca, Ba.

B. Ba, Na, K, Ca.

C. Na, K, Mg, Ca.

D. K, Na, Ca, Zn.

Câu 27: Đốt cháy hoàn toàn 0,486 gam một hợp chất hữu cơ X thu được 403,2ml CO_2 (đktc) và 0,27 gam H_2O . Khi cho 1 mol X tác dụng với KHCO_3 hoặc K đều thu được 1mol khí. Còn khi cho 0,1 mol X vào dung dịch chứa 0,4 mol NaOH (X phản ứng theo hệ số tỉ lệ lượng: $\text{X} + 2\text{NaOH} \rightarrow 2\text{D} + \text{H}_2\text{O}$) được dung dịch Y. Cô cạn Y được m gam chất rắn. Giá trị m là:

A. 27,2

B. 26,4

C. 22,4

D. 30,4

Câu 28: Hoà tan 2,88 gam MSO_4 vào nước được dung dịch X. Điện phân dung dịch X (với điện cực trơ, cường độ dòng điện không đổi) trong thời gian t giây thì được m gam kim loại ở catốt và 0,007 mol khí ở anot. Nếu thời gian điện phân là 2t giây thì được kim loại và tổng số mol khí (ở cả 2 điện cực) là 0,024 mol. Giá trị của m là

A. 0,896g.

B. 0,91g.

C. 0,336g

D. 0,784g.

Câu 29: Cho sơ đồ chuyển hoá sau: Tinh bột $\rightarrow \text{X} \rightarrow \text{Y} \rightarrow$ axit axetic. X và Y lần lượt là

A. ancol etylic, andehit axetic.

B. saccarozơ, glucozơ.

C. glucozơ, etyl axetat.

D. glucozơ, ancol etylic.

Câu 30: DO (Dissolved Oxygen) là lượng oxi hòa tan trong nước cần thiết cho sự hô hấp của các thủy sinh. Đơn vị tính của DO thường dùng là mg/l. Lấy 100ml mẫu nước và thêm vào ngay sau khi lấy mẫu bằng hỗn hợp chất cố định (MnSO_4 , KI, NaNO_3), lúc này oxi hòa tan trong mẫu sẽ phản ứng với Mn^{2+} tạo thành MnO_2 . Khi đem mẫu về phòng thí nghiệm, thêm axit H_2SO_4 loãng vào mẫu, lúc này MnO_2 sẽ oxi hóa I⁻ thành I_2 . Xác định lượng I_2 tạo thành bằng $\text{Na}_2\text{S}_2\text{O}_3$ theo phương trình: $\text{I}_2 + 2\text{Na}_2\text{S}_2\text{O}_3 \rightarrow 2\text{NaI} + \text{Na}_2\text{S}_4\text{O}_6$ thì thể tích dung dịch $\text{Na}_2\text{S}_2\text{O}_3$ 0,005M cần dùng là 24ml. Xác định DO (mg/l) của mẫu nước trên

A. 4,8

B. 8,0

C. 9,6

D. 19,2

Câu 31: Khi nhiệt phân các chất sau: NH_4NO_2 , NH_4HCO_3 , MgCO_3 , KMnO_4 , NaNO_3 . Số phản ứng thuộc phản ứng oxi hoá khử là:

A. 3

B. 5.

C. 4.

D. 2.

Câu 32: Cho các hợp chất hữu cơ: C_2H_2 ; C_2H_4 ; CH_2O ; CH_2O_2 (mạch hở); C_4H_4 (sản phẩm nhị hợp axetilen); $\text{C}_3\text{H}_4\text{O}_2$ (mạch hở, đơn chức). Biết $\text{C}_3\text{H}_4\text{O}_2$ không làm chuyển màu quỳ tím ẩm. Số chất tác dụng được với dung dịch AgNO_3 trong NH_3 tạo ra kết tủa là

A. 4.

B. 3.

C. 5.

D. 2.

Câu 33: Lấy 1,4 gam Ca cho vào dung dịch hỗn hợp HCl và H_2SO_4 loãng cùng nồng độ, cô cạn hỗn hợp sau phản ứng thu được 3,395 gam chất rắn X gồm 3 chất. Phần trăm về khối lượng CaCl_2 trong X gần nhất với giá trị nào sau đây

A. 13

B. 16

C. 20

D. 29

Câu 34: Hợp chất nào sau đây thuộc loại đipeptit?

A. $\text{H}_2\text{NCH}_2\text{CONHCH}_2\text{CONHCH}_2\text{COOH}$.

B. $\text{H}_2\text{NCH}_2\text{CH}_2\text{CONHCH}_2\text{COOH}$.

C. $\text{H}_2\text{NCH}_2\text{CH}_2\text{CONHCH}_2\text{CH}_2\text{COOH}$.

D. $\text{H}_2\text{NCH}_2\text{CONHCH}(\text{CH}_3)\text{COOH}$.

Câu 35: Trong phòng thí nghiệm để bảo quản muối Fe^{2+} người ta thường:

A. Cho vào đó một mẫu Cu.

B. Ngâm vào đó một đinh sắt.

C. Mở nắp lọ đựng dung dịch.

D. Cho vào đó vài giọt dung dịch H_2SO_4 loãng.

Câu 36: Ở điều kiện thường, $\text{CH}_3\text{CH}_2\text{OH}$ tác dụng được với chất nào sau đây?

A. Na.

B. $\text{AgNO}_3/\text{NH}_3$

C. $\text{Cu}(\text{OH})_2/\text{OH}^-$

D. H_2

Câu 37: Nhà máy nước Quỳnh Lưu làm mềm nước cứng bằng cách cho thêm vào nước cứng hỗn hợp CaO và Na₂CO₃. Nguồn nước tự nhiên trước khi xử lí có các nồng độ các ion như sau: [Ca²⁺] = 2.10⁻⁴M; [HCO₃⁻] = 3.10⁻⁴M; còn lại là các ion Cl⁻, SO₄²⁻. Tổng khối lượng CaO và Na₂CO₃ tối thiểu mà nhà máy cần sử dụng để làm mềm hoàn toàn 1000m³ nước trên là?

- A. 13,7 kg B. 16,2 kg C. 21,2 kg D. 11,2 kg

Câu 38: Xà phòng hóa 8,8 gam etyl axetat bằng 200 ml dung dịch NaOH 0,4M. Sau khi phản ứng xảy ra hoàn toàn, cô cạn dung dịch thu được chất rắn khan có khối lượng là

- A. 8,56 gam. B. 10,4 gam. C. 8,2 gam. D. 6,56 gam.

Câu 39: Phương trình điện li nào dưới đây được viết không đúng?

- A. $\text{Na}_2\text{CO}_3 \rightleftharpoons 2\text{Na}^+ + \text{CO}_3^{2-}$ B. $\text{Mg}(\text{OH})_2 \rightleftharpoons \text{Mg}(\text{OH})^+ + \text{OH}^-$
C. $\text{H}_3\text{PO}_4 \rightleftharpoons \text{H}^+ + \text{H}_2\text{PO}_4^-$ D. $\text{FeCl}_3 \longrightarrow \text{Fe}^{3+} + 3\text{Cl}^-$

Câu 40: Cho các tính chất sau:

- (1) Tác dụng với dung dịch NaOH (4) Có từ tính
(2) Tác dụng với S nung nóng. (5) Không tác dụng với dung dịch HNO₃ đặc nguội
(3) Tác dụng với dung dịch AgNO₃. (6) Tác dụng mạnh với nước ở nhiệt độ thường.

Trong các tính chất này Al và Fe có chung

- A. 4 tính chất. B. 5 tính chất. C. 2 tính chất. D. 3 Tính chất.

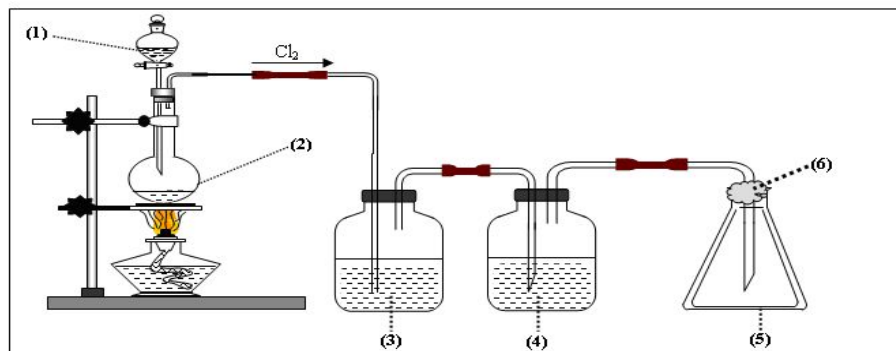
Câu 41: Tính thể tích rượu 10⁰ để lên men được 1 lít giấm chứa 5% CH₃COOH (d=1,05g/ml). Biết hiệu suất lên men là 45%; khối lượng riêng của C₂H₅OH là 0,8g/ml.

- A. 1,118 lít B. 0,894 lít C. 0,716 lít D. 1,0 lít

Câu 42: Khi thủy phân một peptit X (X được tạo từ các aminoaxit chỉ có 1 nhóm -NH₂ và 1 nhóm -COOH) có khối lượng phân tử 293 g/mol và chứa 14,3% N (theo khối lượng) thu được hỗn hợp sản phẩm, trong đó có 2 peptit Y và Z. Nếu lấy 0,472 (g) peptit Y thì phản ứng vừa đủ với dung dịch chứa 0,004 mol HCl. Mặt khác nếu lấy 0,666 (g) peptit Z thì phản ứng vừa đủ với dung dịch chứa 0,006 mol NaOH. Công thức cấu tạo của peptit X là:

- A. Phe-Gly-Ala B. Al-Phe-Gly hoặc Gly-Phe-Ala
C. Phe-Ala-Gly hoặc Ala-Gly-Phe D. Ala-Phe-Gly

Câu 43: Trong phòng thí nghiệm khí Cl₂ thường được điều chế bằng cách cho dung dịch HCl đặc tác dụng với MnO₂, thí nghiệm được mô tả bằng hình vẽ sau:



Cho các phát biểu nào sau đây:

1. Các hóa chất có thể sử dụng trong bình 4 là H₂SO₄, CaO, CaCl₂, P₂O₅
2. Các hóa chất có thể sử dụng trong bình 2 là: MnO₂, KMnO₄, KClO₃, K₂Cr₂O₇
3. Khí ra khỏi bình 2 thường có: Cl₂, HCl, H₂O
4. Bình 3 có vai trò loại bỏ HCl nên có thể dùng dung dịch kiềm
5. Khí ra khỏi bình 3 có 1 lượng rất nhỏ khí O₂
6. Clo nên thu bằng phương pháp đẩy nước

Số nhận xét chính xác là?

- A. 2 B. 3 C. 4 D. 5

Câu 44: Thêm m (gam) bột sắt vào 400ml dung dịch X gồm HCl 0,9 M và $\text{Cu}(\text{NO}_3)_2$ 0,5M, sau khi phản ứng xảy ra hoàn toàn thu được kim loại có khối lượng là 0,5m (gam) và chỉ tạo khí NO là sản phẩm khử duy nhất. Giá trị của m là

- A. 25,6 **B. 13,44.** C. 15,12. D. 11,92.

Câu 45: Phát biểu nào sau đây là phù hợp với tính chất hoá học chung của kim loại?

- A. Kim loại có tính oxi hoá, nó bị oxi hoá thành ion dương.
B. Kim loại có tính khử, nó bị khử thành ion âm.
C. Kim loại có tính khử, nó bị oxi hoá thành ion dương.
D. Kim loại có tính oxi hoá, nó bị khử thành ion âm.

Câu 46: Cho sơ đồ phản ứng: $\text{NaCl} \rightarrow (\text{X}) \rightarrow \text{NaHCO}_3 \rightarrow (\text{Y}) \rightarrow \text{NaNO}_3$. X và Y có thể là

- A. NaOH và NaClO. B. NaClO_3 và Na_2CO_3 . C. Na_2CO_3 và NaClO. **D. NaOH và Na_2CO_3 .**

Câu 47: Nguyên tử nguyên tố X có 1 electron lớp ngoài cùng và có tổng số electron ở phân lớp d và p là 17. Số hiệu của X là:

- A. 29. B. 19. C. 25. **D. 24.**

Câu 48: Cho các chất sau: $\text{CH}_3\text{NH}_3\text{HCO}_3$, $\text{NH}_2\text{CH}_2\text{COONa}$, $\text{CH}_3\text{COOCH}_3$, $\text{HO-CH}_2\text{-CH}_2\text{-COOH}$, $\text{NH}_2\text{CH}_2\text{COONH}_4$, $\text{C}_2\text{H}_5\text{OH}$. Có bao nhiêu chất trong các chất trên tác dụng được cả dung dịch HCl và dung dịch NaOH?

- A. 4.** B. 5. C. 2. D. 3.

Câu 49: Sắp xếp tính axit theo chiều tăng dần của các chất sau: NH_3 , H_2O , HCl

- A. $\text{H}_2\text{O} < \text{NH}_3 < \text{HCl}$ B. $\text{HCl} < \text{H}_2\text{O} < \text{NH}_3$ **C. $\text{NH}_3 < \text{H}_2\text{O} < \text{HCl}$** D. $\text{NH}_3 < \text{HCl} < \text{H}_2\text{O}$

Câu 50: Cho một dây đồng quấn thành dạng lò xo, nung nóng đỏ trên ngọn lửa đèn cồn, đưa nhanh vào ống nghiệm đựng $\text{C}_2\text{H}_5\text{OH}$. Sản phẩm chính tạo thành trong phản ứng trên là

- A. HCHO. B. CH_3COOH . C. $\text{C}_2\text{H}_5\text{OC}_2\text{H}_5$. **D. CH_3CHO .**

Cho biết khối lượng nguyên tử (theo u) của các nguyên tố:

$H = 1$; $Li = 7$; $Be = 9$; $C = 12$; $N = 14$; $O = 16$; $Na = 23$; $Mg = 24$; $Al = 27$; $P = 31$; $S = 32$; $Cl = 35,5$; $K = 39$; $Ca = 40$; $Cr = 52$; $Fe = 56$; $Cu = 64$; $Zn = 65$; $As = 75$; $Br = 80$; $Rb = 85,5$; $Ag = 108$; $I = 127$; $Ba = 137$

----- HẾT -----